

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HN&GD-ST

Ngày: 23/5/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Sơn.
2. Bà Nguyễn Thị Mên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 430/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HN&GD, ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà VTTT, sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Số D ấp F, xã ĐT, huyện HM, thành phố HCM.

Hiện ở: Số H, đường G, ấp 4A, xã BM, huyện CC, thành phố HCM.

2. Bị đơn: Ông ĐTT1, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Số A1, đường số B, thôn C, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” không đề ngày tháng năm, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của bà VTTT thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông ĐTT1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đi đến kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện HM, thành phố HCM, giấy chứng nhận kết hôn số: 55, quyển số 01, ngày 16/4/2010. Sau quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhiều bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu do ông T1 thường xuyên vắng nhà không có lý do, bỏ bê công việc và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Bên cạnh đó, ông T1 tự ý lấy tài sản trong gia đình đi cầm cố để đánh bài. Dần về sau mâu thuẫn càng lớn, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T1 tự ý bỏ đi, chúng tôi đã sống ly thân được hơn 07 tháng. Bà xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với ông T1 nữa. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà với ông T1 có với nhau 01 người con chung tên: ĐHA, sinh ngày 10/7/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/3/2023 bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng cũng như thời gian chuẩn bị mở phiên tòa, bị đơn – ông ĐTT1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các loại văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng vẫn cố tình không tham gia.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông T1. Mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn.

Về con chung: Vì ông T1 không có ý kiến gì về việc nuôi con, ĐHA, sinh ngày 10/7/2010, nay đã trên 7 tuổi. Hiện tại cháu đang ở với mẹ và cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, bà T tự nguyện tiếp tục nuôi dưỡng cháu nên giao cháu A cho bà T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện **không đề ngày tháng năm**, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện ĐL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn ông ĐTT1 mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T1 đều vắng mặt không có lý do. **Tuy nhiên, ông T1 là trường hợp được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2.** Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[4] Về hôn nhân: Bà VTTT và ông ĐTT1 có thời gian tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm **2010**, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện HM, thành phố HCM. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên sau ngày cưới, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhiều bất đồng, bà T ông T1 đã sống ly thân được hơn 07 tháng, không ai quan tâm đến ai. Hiện bà T đã xác định không còn tình cảm yêu thương gì với ông T1 nữa, bà nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà T với ông T1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà T và ông T1 có một người con chung tên ĐHA, sinh ngày 10/7/2010. Hiện tại đang sống với mẹ là bà T tại số 327, đường HDP, ấp 4A, xã BM, huyện CC, thành phố HCM. Bà T có yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung. Cháu HA cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do vậy, xét nên giao cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của bà T cũng như nguyện vọng của cháu HA.

[6] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà VTTT là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[9] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa bà VTTT và ông ĐTT1 là vụ án Hôn nhân và gia đình. Theo đơn khởi kiện của bà T thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được

xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà VTTT.

1. Về hôn nhân: Bà VTTT ly hôn anh ĐTT1.
2. Về con chung: Giao cho bà VTTT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con chung có tên: ĐHA, sinh ngày 10/7/2010.

Ông ĐTT1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà VTTT có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T1.

Bà VTTT trực tiếp nuôi dưỡng con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông ĐTT trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Bà VTTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012467, ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu

thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án cùng cấp;*
- *UBND xã Đức Tín;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

